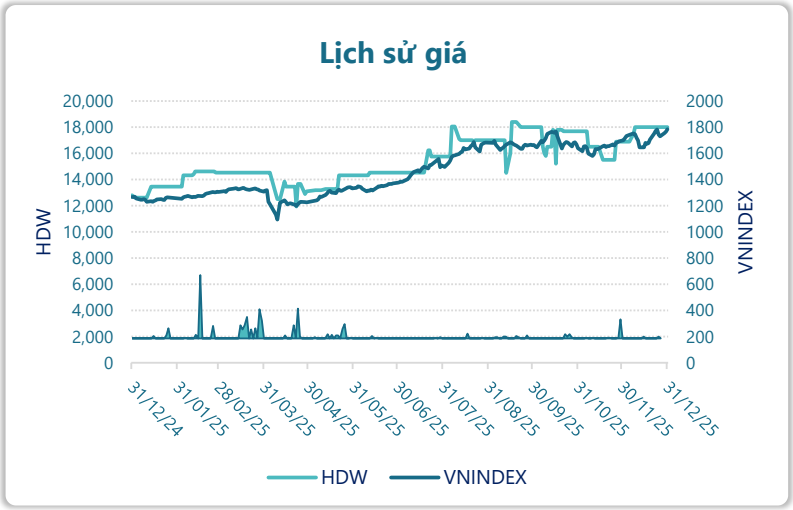
FireAnt

CTCP Kinh doanh nước sạch Hải Dương (UPCOM: HDW)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,938
SL cổ phiếu LH	34,407,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	619
P/E	12.8
EPS	1,410

DT thuần

Q4/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00| -1.5%

YoY: ▲ 5.00| 3.1%

LN sau thuế

Q4/25

12.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.30| -29.9%

YoY: ▲ 3.34| 35.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

603

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.0| 6.0%

LN sau thuế

2025

48.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.50| 5.4%

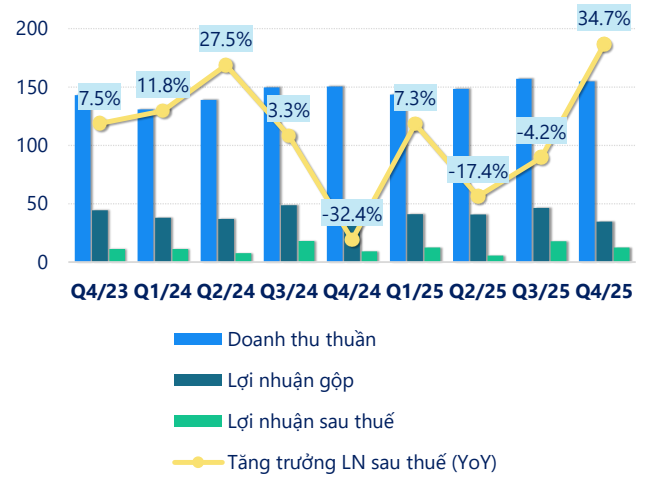
ROE

2025

10.4%

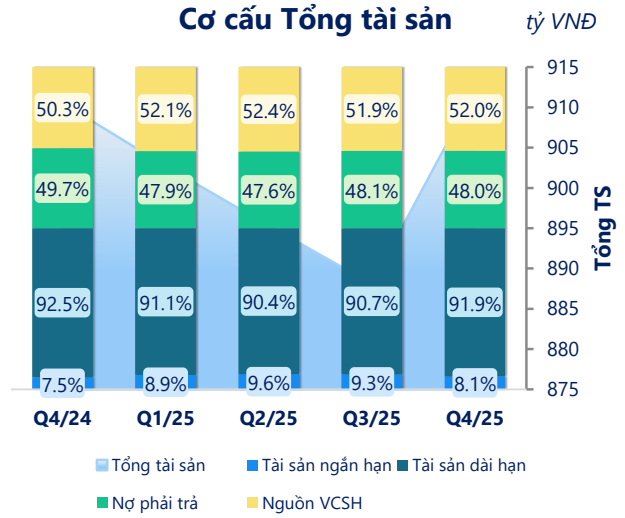
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



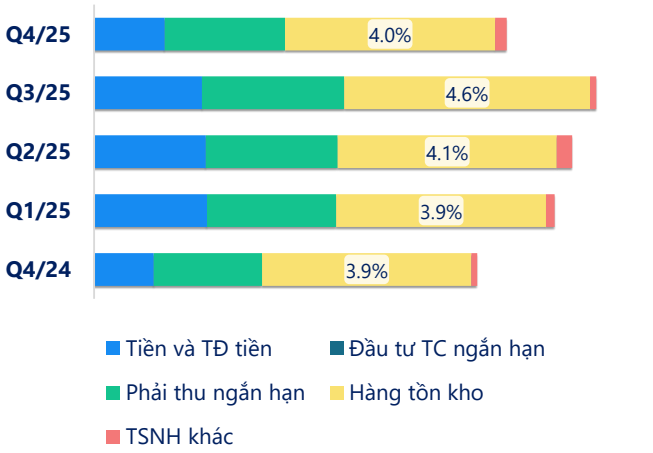
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



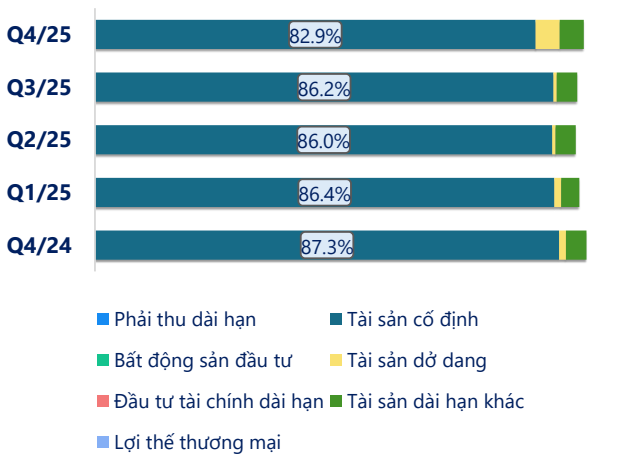
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



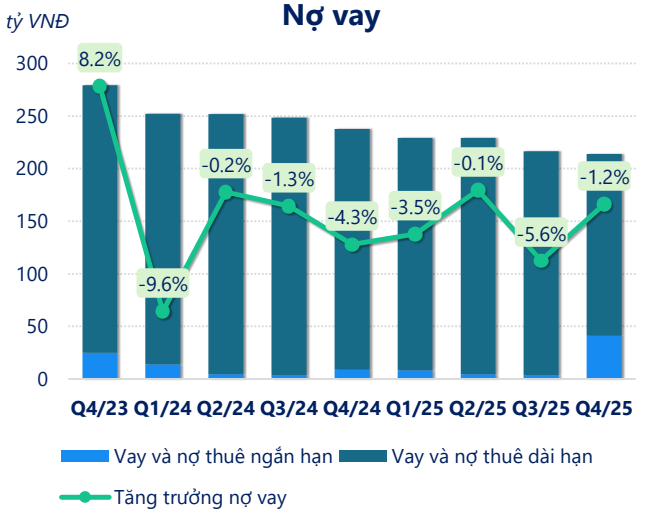
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



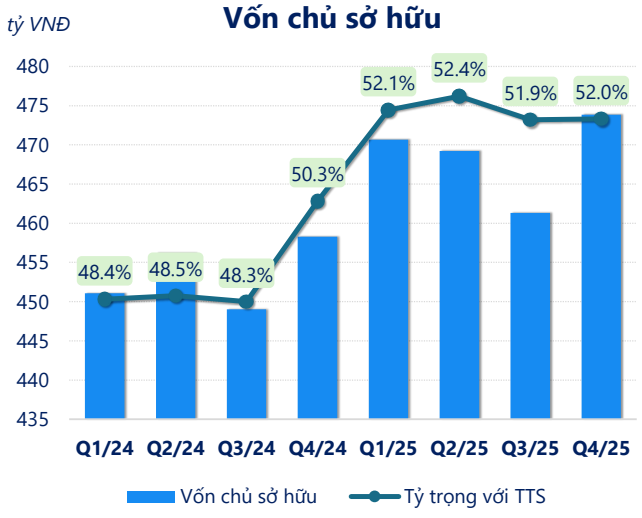
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



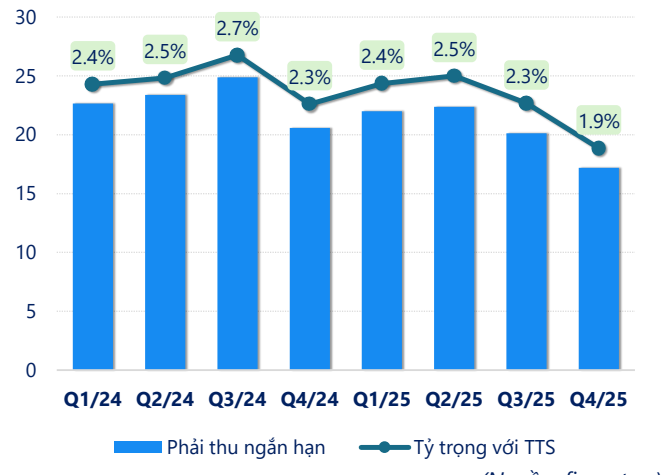
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



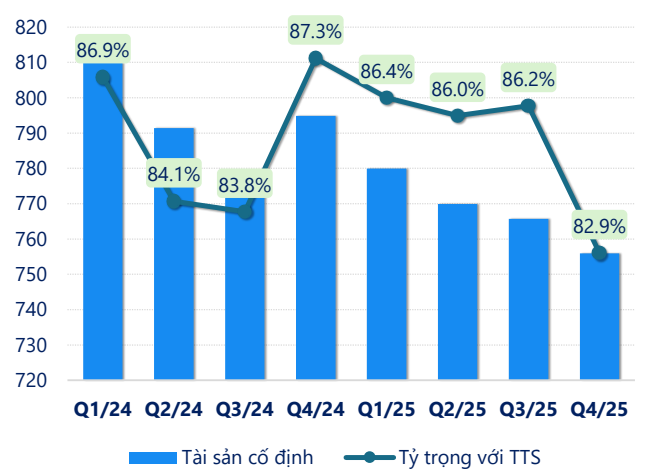
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



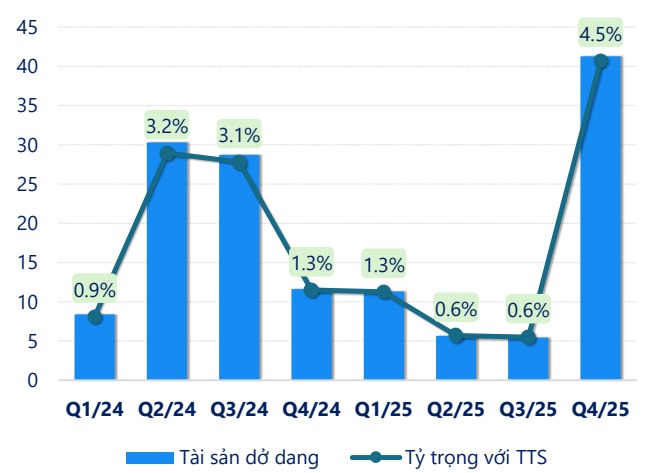
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



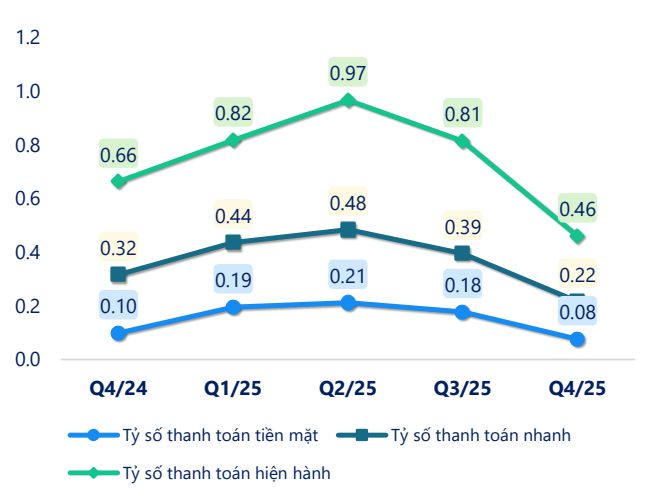
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



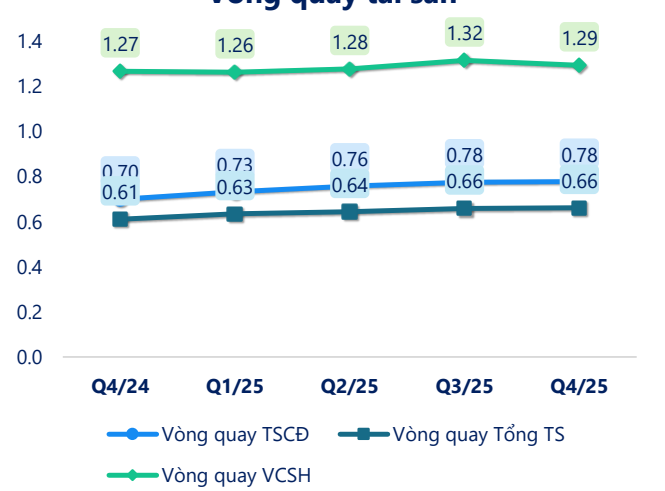
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**911**	**903**	**895**	**888**	**912**
Tài sản ngắn hạn	**68.7**	**80.3**	**85.8**	**82.7**	**73.5**
Tiền và tương đương tiền	10.2	19.2	18.8	18.0	12.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	20.6	22.0	22.4	20.1	17.2
Hàng tồn kho	36.0	37.4	42.8	42.6	39.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	1.72	1.80	1.93	5.20
Tài sản dài hạn	**842**	**822**	**809**	**805**	**838**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	795	780	770	766	756
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.6	11.3	5.66	5.42	41.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.3	31.2	33.9	34.3	41.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**452**	**432**	**426**	**427**	**438**
Nợ ngắn hạn	**104**	**98.3**	**88.8**	**102**	**160**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.86	8.05	4.43	3.62	40.9
Phải trả người bán ngắn hạn	56.1	51.0	40.3	42.3	62.7
Nợ dài hạn	349	334	337	325	278
Vay và nợ thuê dài hạn	229	221	225	213	173
Nguồn vốn chủ sở hữu	**458**	**471**	**469**	**461**	**474**
Vốn chủ sở hữu	**458**	**471**	**469**	**461**	**474**
Vốn điều lệ	319	319	319	319	319
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)